

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành danh mục mã hăng sản xuất vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế (Đợt 8)**

**BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục dùng chung mã hăng sản xuất vật tư y tế (Đợt 1) và nguyên tắc mã hoá vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; Quyết định số 2807/QĐ-BYT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2021;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Bộ Y tế.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục mã hăng sản xuất vật tư y tế gồm 49 (Bốn mươi chín) mã hăng sản xuất vật tư y tế, từ mã số 6419 đến mã số 6467 để tạo lập mã vật tư y tế phục vụ quản lý và giám định, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Danh mục chi tiết mã hăng sản xuất vật tư y tế đợt 8 được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Y tế, tại địa chỉ: <https://moh.gov.vn>

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh vật tư y tế, cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm cập nhật tên, nước

sản xuất và mã hã sản xuất vật tư y tế ban hành kèm theo Quyết định này để thực hiện khai báo, cấp mã vật tư y tế theo quy định tại Quyết định số 5086/QĐ-BYT ngày 04 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 2807/QĐ-BYT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**Điều 3.** Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ Y tế, Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm y tế, Cục trưởng Cục Cơ sở hạ tầng và Thiết bị y tế, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ Y tế, Chánh Thanh tra Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng Y tế các Bộ, ngành và các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- BT. Đào Hồng Lan (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam (để thực hiện);
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Y tế các Bộ, ngành;
- Các cơ sở KBCB trực thuộc Bộ Y tế;
- Các cơ sở KBCB trực thuộc các Bộ, ngành;
- Các cơ sở KBCB trực thuộc các Trường đại học;
- Hiệp hội Bệnh viện tư nhân Việt Nam;
- Các cơ sở KCB tư nhân (nhận trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế);
- Các doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh VTYT (nhận trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, BH.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Trần Văn Thuận**

**PHỤ LỤC****Danh mục mã hãng sản xuất vật tư y tế (Đợt 8)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng 10 năm 2023  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

| ST<br>T | Tên hãng sản xuất                                                               | Tên nước sản xuất | Mã hãng<br>sản xuất | Mã nước<br>sản xuất |
|---------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------|---------------------|
| 1       | Aglient Biosciences (Hangzhou) Co., Ltd.                                        | Trung Quốc        | 6419                | 279                 |
| 2       | Atlas Surgical                                                                  | Cộng hòa Ấn Độ    | 6420                | 115                 |
| 3       | BAAT Medical Products B.V.                                                      | Hà Lan            | 6421                | 173                 |
| 4       | BAG Diagnostics GmbH                                                            | Đức               | 6422                | 155                 |
| 5       | Biocomma Limited                                                                | Trung Quốc        | 6423                | 279                 |
| 6       | BioHealth Medical Technology Co. Ltd.                                           | Trung Quốc        | 6424                | 279                 |
| 7       | b-ONE Medical (Beijing) Co., Ltd.                                               | Trung Quốc        | 6425                | 279                 |
| 8       | Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Gia Hưng                            | Việt Nam          | 6426                | 0                   |
| 9       | Changzhou Innovate Medical Instrument and Technology Co., Ltd                   | Trung Quốc        | 6427                | 279                 |
| 10      | Chi nhánh Công ty TNHH Y tế Việt Tiến - Nhà máy sản xuất Long An                | Việt Nam          | 6428                | 0                   |
| 11      | Dort-a Tip Malzemeleri Sanayi Ith. Ihr. Tic. Ltd. Sti.                          | Thổ Nhĩ Kỳ        | 6429                | 272                 |
| 12      | Euronda SpA                                                                     | Ý                 | 6430                | 292                 |
| 13      | Hunan Vathin Medical Instrument Co., Ltd.                                       | Trung Quốc        | 6431                | 279                 |
| 14      | Inomed Medizintechnik GmbH                                                      | Đức               | 6432                | 155                 |
| 15      | InTelos, Inc.                                                                   | Hàn Quốc          | 6433                | 174                 |
| 16      | Kaushik Orthopaedic Pvt. Ltd.                                                   | Cộng hòa Ấn Độ    | 6434                | 115                 |
| 17      | KeriMedical SA                                                                  | Thụy Sĩ           | 6435                | 274                 |
| 18      | LifeScience PLUS, Inc.                                                          | Hoa Kỳ            | 6436                | 175                 |
| 19      | M. & G. Int.'L SRL                                                              | Ý                 | 6437                | 292                 |
| 20      | Matek Medikal Aytitlar Teknoloji San. Ve Tic A.S.                               | Thổ Nhĩ Kỳ        | 6438                | 272                 |
| 21      | Nanyang Jiuding Material Technology Co., Ltd.                                   | Trung Quốc        | 6439                | 279                 |
| 22      | Necati Kaya Tibbi Cihazlar Ithalat Ve Ihracat Sanayi Ve Ticaret Limited Sirketi | Thổ Nhĩ Kỳ        | 6440                | 272                 |
| 23      | Prime Healthcare Products Private Limited                                       | Cộng hòa Ấn Độ    | 6441                | 115                 |
| 24      | Real Star Surgical                                                              | Pakistan          | 6442                | 234                 |
| 25      | S.A.L.F S.p.A Laboratorio                                                       | Ý                 | 6443                | 292                 |
| 26      | Saeum Meditec Co., Ltd.                                                         | Hàn Quốc          | 6444                | 174                 |
| 27      | Scarpro N.V                                                                     | Bỉ                | 6445                | 125                 |
| 28      | Shenzhen Trious Medical Technology Co., Ltd.                                    | Trung Quốc        | 6446                | 279                 |
| 29      | Turklab Tibbi Mal. San. Tic. A.S                                                | Thổ Nhĩ Kỳ        | 6447                | 272                 |
| 30      | UMP Renal Care                                                                  | Malaysia          | 6448                | 205                 |
| 31      | Weifang Hengcai Digital Photo Material Co., Ltd.                                | Trung Quốc        | 6449                | 279                 |
| 32      | Wuhan Huawei Technology Co., Ltd.                                               | Trung Quốc        | 6450                | 279                 |
| 33      | Wuhan Yuanguang Ruikang Technology Co., Ltd.                                    | Trung Quốc        | 6451                | 279                 |
| 34      | Wuxi Nest Biotechnology Co., Ltd                                                | Trung Quốc        | 6452                | 279                 |
| 35      | Nantong Angel Medical Instruments Co., Ltd.                                     | Trung Quốc        | 6453                | 279                 |
| 36      | Andocor N.V.                                                                    | Bỉ                | 6454                | 125                 |

|    |                                                                                       |                |      |     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------|-----|
| 37 | Công ty TNHH Contex Việt Nam                                                          | Việt Nam       | 6455 | 0   |
| 38 | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ MB<br>Regentox Việt Nam                               | Việt Nam       | 6456 | 0   |
| 39 | Chi nhánh Tổng công ty thiết bị y tế Việt Nam -<br>CTCP - Nhà máy nhựa y tế Mediplast | Việt Nam       | 6457 | 0   |
| 40 | Eon Meditech Pvt. Ltd.                                                                | Cộng hòa Ấn Độ | 6458 | 115 |
| 41 | Frienfa Industries                                                                    | Pakistan       | 6459 | 234 |
| 42 | Global Healthcare SG SDN. BHD.                                                        | Malaysia       | 6460 | 205 |
| 43 | Jiaxing Linhwa Medical Materials Co., Ltd.                                            | Trung Quốc     | 6461 | 279 |
| 44 | Koryoeyetech Co., Ltd.                                                                | Hàn Quốc       | 6462 | 174 |
| 45 | Ningbo Tianyi Medical Appliance Co., Ltd.                                             | Trung Quốc     | 6463 | 279 |
| 46 | Strand Products Inc.                                                                  | Hoa Kỳ         | 6464 | 175 |
| 47 | Terumo Penpol Private Limited                                                         | Cộng hòa Ấn Độ | 6465 | 115 |
| 48 | Truscreen Pty Limited                                                                 | Úc             | 6466 | 284 |
| 49 | Zhangzhou Aoxi Plastic Co., Ltd.                                                      | Trung Quốc     | 6467 | 279 |

*Uang*